

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111/2020/HS-PT**

Ngày: 25 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Nam Anh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 321/2019/TLPT-HS ngày 12 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo: **Phạm Lâm H và đồng phạm** về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HS-ST ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 804/2020/QĐXXPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Lâm H (Tuấn), sinh năm: 1959; tại: Bình Định; Nơi ĐKKHKT: Tổ 35, KV7, Phường Đ, Thành phố Q, Bình Định; tạm trú: Lô C7- 02- Khu chung cư Hoàng Anh Gia Lai, Thành phố Q; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Đình H1, sinh năm 1932; con bà: Vũ Thị Thu D (chết); vợ : Phạm Thị B, sinh năm: 1959; có 03 con: Lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Thị B, sinh năm: 1959 tại Bình Định; nơi ĐKNKTT: Tổ 35, KV 7, Phường Đ, Thành phố Q, Bình Định; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Đ1 (chết); con bà: Đặng Thị M (chết); chồng: Phan Lâm H (bị cáo trong vụ án), con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15.7.2016; có mặt.

3. Phạm Thị Thu Th, sinh năm: 1967 tại Bình Định; nơi ĐKNKTT: Tổ 8, KV 2, P.Trần Phú, Thành phố Q, Bình Định; chỗ ở: 113 Nguyễn Huệ, Thành phố Q, Bình Định; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Đ1 (chết); con bà: Đặng Thị M (chết); chồng: Nguyễn Trung T1, sinh năm 1967, con: Có 01 người sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19.7.2017, có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

* Người bào chữa cho bị cáo Phan Lâm H:

+ Ông Ngô Ngọc L – Luật sư hoạt động tại Đoàn luật sư Tp.Hồ Chí Minh, có đơn xét xử vắng mặt.

+ Ông Huỳnh Ngô Tường B1 - Luật gia của Trung tâm tư vấn pháp luật TP.HCM thuộc Hội luật gia Việt Nam, có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị B:

+ Ông Hồ Nguyên L1 - Luật sư hoạt động tại Đoàn luật sư Tp.Hồ Chí Minh, có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thu Th:

+ Ông Nguyễn Văn Đ2 – Luật sư hoạt động tại Đoàn luật sư Tp.Hồ Chí Minh bào chữa theo yêu cầu của bị cáo, có mặt.

- **Bị hại:** Ngân hàng TMCP N2 - Chi nhánh Q.

+ *Đại diện theo pháp luật:* Ông Thái Văn N3 – Giám đốc Ngân hàng TMCP N2 Việt Nam – Chi nhánh Q, vắng mặt.

+ *Đại diện theo ủy quyền:* Ông Hoàng Tuấn M – Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP N2 Việt Nam – Chi nhánh Bình Định; có mặt.

- **Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại:** Ông Võ Hồng N4 và ông Nguyễn Thế V1 – Luật sư hoạt động tại Đoàn luật sư tỉnh Bình Định; đều có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Văn Th2, sinh năm: 1954; có đơn xét xử vắng mặt;

- Nơi cư trú: Thành phố Q, Bình Định
2. Ông Nguyễn Duy S, sinh năm: 1977, vắng mặt;
Nơi cư trú: Thành phố Q, Bình Định.
3. Bà Trần Thị Tường V1, sinh năm: 1986, vắng mặt;
Nơi cư trú: Thành phố Q, Bình Định.
4. Bà Phạm Thị Tuyết M1, sinh năm: 1986; có đơn xét xử vắng mặt;
Nơi cư trú: Phường Đ, Thành phố Q, Bình Định.
5. Bà Phạm Thị M2, sinh năm: 1961, vắng mặt;
Nơi cư trú: Tp.Hồ Chí Minh.
6. Bà Phạm Nhật C, sinh năm: 1984
Nơi cư trú: Thành phố Q, Bình Định, vắng mặt;
7. Bà Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh năm: 1984
Nơi cư trú: Thành phố Q, Bình Định, vắng mặt;
8. Ông Nguyễn Văn T2, công chức công tác tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, có đơn xét xử vắng mặt;
9. Ông Hồ Quang V2, nguyên Cục trưởng Thi hành án tỉnh Bình Định, vắng mặt;
10. Đại diện theo ủy quyền BQL khu kinh tế Bình Định: Ông Huỳnh Thanh T3, Phó phòng quản lý doanh nghiệp, có mặt;
11. Đại diện theo ủy quyền Cục Thi hành án tỉnh Bình Định: Bà Ngô Thúy H1- Phó trưởng phòng kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo;
12. Bà Phạm Thị Thanh B2 - Văn phòng công chứng TB, có đơn xét xử vắng mặt;
13. Đại diện Công ty TNHH TB bà Phan Thạch Hoàng K, theo ủy quyền giám đốc Công ty, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH TB được thành lập vào ngày 17/7/2002 và được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp giấy phép kinh doanh với ngành nghề: Sản xuất giấy xuất khẩu, chế biến hàng gỗ, mua bán gỗ nguyên liệu, dịch vụ cân điện tử ô tô, xây dựng, khai thác đá Granite và đá thạch anh, cho thuê kho bãi... Khi thành lập Công ty có hai

thành viên góp vốn, gồm: Phan Lâm H góp vốn 54% và Phạm Thị B góp vốn 46%. Từ ngày thành lập cho đến năm 2011, Công ty TB có tuyển dụng 03 thành viên gồm Nguyễn Thành Th1 kế toán, Phạm Nhật C kế toán, Nguyễn Thị Ngọc N1 kế toán thống kê. Công ty đã 10 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và 02 lần đăng ký mẫu dấu với cơ quan có thẩm quyền. Lần đầu đăng ký mẫu con dấu có ký hiệu SĐKKD 3502000171, mang tên Công ty TNHH TB Bình Định. Đến ngày 23/7/2012 thì Công ty TNHH TB đăng ký mẫu dấu lần thứ 2 có ký hiệu MSDN 4100452913, mang tên Công ty TNHH TB và được Phòng cảnh sát quản lý trật tự xã hội Công an tỉnh Bình Định thu con dấu cũ và cấp con dấu mới vào ngày 06/8/2012, theo Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu số: 130 ngày 23/7/2012.

Để có vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, từ ngày 16/12/2007 đến ngày 23/9/2011 Công ty TNHH TB bắt đầu giao dịch quan hệ vay vốn với Ngân hàng TMCP N2 Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (Nay đổi tên thành Ngân hàng TMCP N2 Việt Nam - Chi nhánh Q viết tắt là Ngân hàng N2 Q) bằng 68 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn và trung hạn. Hiện còn nợ lại 10 hợp đồng tín dụng ngắn hạn, và 02 hợp đồng tín dụng trung hạn.

Từ ngày 02/3/2011 đến 23/9/2011, Công ty TB vay vốn tại Ngân hàng TMCP N2 Việt Nam Chi nhánh Q với 10 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn với tổng số tiền 14.900.000.000đ. Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên Công ty TB (đại diện là vợ, chồng Phan Lâm H, Phạm Thị B) đã ký kết 07 hợp đồng thế chấp tài sản, gồm: Nhà làm việc; tường rào cổng ngõ; nhà thương trực; sân bê tông; nhà xưởng chính; 01 tủ tụ bù trọn bộ 280KVA; 01 tủ điện phân phối; 01 băng tải nguyên liệu; máy sản xuất dăm gỗ và các phụ kiện kèm theo; 01 băng tải; 50 cái container; xe cải tiến bánh hơi; hệ thống cân ô tô điện tử 60 tấn; Toàn bộ diện tích rừng trồng gỗ giao bạch đàn tại Lô 02 và Lô 03 diện tích 45.000m² tại xã M3, huyện P; Ngôi nhà và Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 192 đường HTK, phường TN, Thành phố Q; hệ thống băng tải và máng trượt nguyên liệu; Máy băm gỗ; Máy sàn rung kiểu Nhật; Motor 250HP; tủ điện, tủ bù; Nhà để xe công nhân; Nhà xưởng cơ khí; Nhà ăn công nhân; Nhà xưởng CD đứng; Bể nước PCCC; Sân bê tông nội bộ; đường bê tông nội bộ; Nhà kho chứa nguyên liệu. Các tài sản này được Ngân hàng định giá khi cho vay là 19.510.000.000đ. Như vậy, Công ty TNHH TB đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP N2, Chi nhánh Q với 12 hợp đồng tín dụng ngắn hạn và trung hạn với tổng số tiền đã rút vốn là 17.748.000.000đ và đã trả được 3.892.514.041đ tiền gốc; còn nợ lại 13.855.485.959đ tiền gốc, nợ lãi 15.166.384.859đ.

Do Công ty TNHH TB để nợ quá hạn nên ngày 19/11/2013, Ngân hàng gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định để yêu cầu Công ty TB trả nợ và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay của 12 hợp đồng tín dụng nói trên. Trong quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa

Ngân hàng N2 Bình Định và Cty TB thì Phan Lâm H cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện. Đồng thời để chiếm đoạt số tiền vay nợ của Ngân hàng, Phan Lâm H (đại diện Công ty TB) đã dùng thủ đoạn gian dối, bằng cách lập khống các tài liệu, chứng từ vay mượn tiền của bà Phạm Thị Thu Th như Hợp đồng vay mượn tiền số 03, có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP612529 ngày 25/9/2009 do UBND tỉnh Bình Định cấp; Phiếu thu số 16 có chữ ký của Nguyễn Thị Ngọc N1 và Phạm Nhật C kế toán của Công ty; Giấy giao nhận tiền; Biên bản bàn giao tài sản thế chấp cùng ngày 02/4/2010 với số tiền 10.000.000.000đ. Ngày 06/8/2014, Th sử dụng các tài liệu, chứng từ được lập khống để khởi kiện Công ty TB tại Tòa án nhân dân thành phố Q. Ngày 20/8/2014, Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý giải quyết hòa giải giữa các bên đương sự. Ngày 12/9/2014, Tòa án nhân dân thành phố Q ra Quyết định số 169/2014/QĐST-DS công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

Ngày 23/10/2014 Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 03 lấy hồ sơ để thi hành án đối với 02 Quyết định số 169 và số 170 của Tòa án nhân dân thành phố Q và ra Quyết định thi hành án số 05/QĐ-CTHA ngày 24/10/2014. Trong quá trình Thi hành án, ngày 28/10/2014 bà Phạm Thị B - Phó giám đốc Công ty TB viết giấy ủy quyền cho ông Phan Lâm H - Giám đốc toàn quyền Quyết định, lập và ký tên xác nhận trên các giấy tờ, văn bản, có liên quan đến việc thi hành án, xử lý tài sản của Công ty TNHH TB để thanh toán trả nợ cho bà Phạm Thị Thu Th và Phạm Thị M2 để cản trừ toàn bộ nghĩa vụ phải thi hành án.

Quá trình thi hành án, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định có tiến hành xác minh tài sản của người phải thi hành án (Công ty TNHH TB) nhưng trong biên bản xác minh không ghi tài sản nào là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty TB và tài sản nào Công ty TNHH TB đã thế chấp cho Ngân hàng N2 Bình Định mà tiến hành lập biên bản ghi nhận sự thỏa thuận giữa người phải thi hành án là (Công ty TNHH TB đại diện ông Phan Lâm H) và người được thi hành án bà Phạm Thị Thu Th giao toàn bộ tài sản gồm: Nhà làm việc; nhà kho tiền chế; nhà máy sản xuất dăm gỗ và máy móc; Nhà kho gồm số 01; số 02; số 03; số 04; Nhà ăn; nhà bảo vệ; nhà để xe; tường rào cổng ngõ; 01 trạm cân ô tô 60 tấn; hồ nước phòng cháy chữa cháy cho bà Phạm Thị Thu Th quản lý để cản trừ nghĩa vụ thi hành án. Trong đó, có một số tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP N2 Việt Nam - chi nhánh Bình Định bằng 03 Hợp đồng thế chấp tài sản như: Hợp đồng 01 ngày 20/6/2009; số 01 ngày 16/9/2009; số 01 ngày 04/11/2009 gồm: Nhà làm việc; Nhà máy sản xuất dăm gỗ và máy móc; Nhà ăn; Nhà bảo vệ; Nhà để xe; Tường rào cổng ngõ; 01 trạm cân ô tô 60 tấn; hồ nước phòng cháy chữa cháy.

Việc Phan Lâm H là Giám đốc Công ty TNHH TB không tiếp tục thực hiện trả nợ vay cho Ngân hàng mà cùng với Phạm Thị Thu Th làm giả các chứng từ vay mượn tiền của Th nhằm chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng. Số tài sản này được Hội đồng định giá

tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Định xác định và kết luận vào ngày 18/7/2017 gồm: Nhà máy sản xuất dăm gỗ và máy móc thiết bị; Nhà làm việc; Tường rào, cổng ngõ; Nhà bảo vệ (nhà thường trực); Nhà để xe; nhà ăn; Bể nước phòng cháy chữa cháy; 01 trạm cân ô tô 60 tấn đã chuyển giao cho bà Phạm Thị Thu Th có giá trị 3.138.133.000đ. Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra tài sản của Công ty TNHH TB và kê biên giao toàn bộ tài sản cho Phan Lâm H quản lý.

Ngày 08/9/2015, Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận:

+ Hình dấu tròn có nội dung “Công ty T.N.H.H TB Bình Định -Thành phố Q, tỉnh Bình Định, SĐKKD 3502000171-CTTNHH” trên Giấy nhận nợ vay đề ngày 02/4/2010 và hình dấu tròn (qua photocopy) có nội dung “Công ty T.N.H.H TB Bình Định -Thành phố Q, tỉnh Bình Định-SĐKKD 3502000171-CTTNHH” trên Giấy nhận nợ vay (bản photocopy từ bản gốc), đề ngày 18/11/2011 với mẫu hình dấu tròn có nội dung “Công ty T.N.H.H TB Bình Định-Thành phố Q, tỉnh Bình Định-SĐKKD 3502000171-CTTNHH” của Công ty TNHH TB, tỉnh Bình Định là không phải được in ra từ một con dấu.

+ Chữ ký và chữ viết (qua photocopy) mang tên “ P. Nhật C” và Ph. Nhật C” trên “phiếu thu” (bản photocopy), số 16 đề ngày 02/4/2010 và “ Phiếu thu” (bản photocopy), số 28 đề ngày 18/11/2011 với mẫu chữ ký và chữ viết đứng tên Phạm Nhật C là không phải do cùng một người ký và viết ra.

+ Chữ ký và chữ viết (qua photocopy) mang tên “ Nguyễn Thị Ngọc N1” và trên “Phiếu thu” (bản photocopy), số 16, đề ngày 02/4/2010 và “ Phiếu thu” (bản photocopy), số 28, đề ngày 18/11/2011 với mẫu chữ ký và chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Ngọc N1 là không phải do cùng một người ký và viết ra.

- Ngày 11/5/2017, Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử hủy 02 Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự số: 169, số 170/2014 cùng ngày 12/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Q để điều tra xét xử lại. Tuy nhiên, ngày 18/7/2017 Tòa án nhân dân thành phố Q đã tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự giữa nguyên đơn Phạm Thị Thu Th, Phạm Thị M2 và bị đơn Công ty TNHH TB (đại diện là ông Phan Lâm H Giám đốc), đồng thời có công văn số 241, 242 trả lời cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định về việc vay mượn của bà Phạm Thị Thu Th, Phạm Thị M2 với Công ty TNHH TB có dấu hiệu tội phạm hình sự.

Ngày 26/6/2018, Phan Lâm H cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định 03 chứng cứ (bản gốc) gồm: Hợp đồng vay mượn tiền số 03; Phiếu thu số: 02 cùng ngày 02/4/2010; Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 03/4/2010 của Công ty TNHH TB. Ngày 20/7/2018, Phân Viện KHHS tại Đà Nẵng kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “Công ty TNHH TB Bình Định” là do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị B dưới các mục “Người lập phiếu” và “Thủ quỹ” thì do một người

ký và viết ra. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Phan Lâm H có trước hay có sau so với hình dấu tròn có nội dung Công ty TNHH TB Bình Định; không xác định được thời gian in, ký và đóng dấu đối với nội dung in, chữ ký và hình dấu trên mẫu giám định.

Quá trình điều tra, Phạm Thị Thu Th không giao trả những tài sản đã được Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định bàn giao vào ngày 27/11/2014 cho Công ty TNHH TB để giao trả cho Ngân hàng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HS-ST ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Lâm H, Phạm Thị B, Phạm Thị Thu Th đều phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- ***Căn cứ vào:*** Khoản 4 Điều 175; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- ***Xử phạt:*** Bị cáo Phan Lâm H 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- ***Xử phạt:*** Bị cáo Phạm Thị B 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 15/7/2016.

- ***Xử phạt:*** Bị cáo Phạm Thị Thu Th 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 19/7/2017.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 của BLDS năm 2015: Buộc Công ty TNHH TB đại diện là Phan Lâm H phải bồi thường cho Ngân hàng TMCP N2 chi nhánh Bình Định số tiền 3.138.133.000, đồng.

Tài sản được kê biên theo lệnh kê biên tài sản số 01/CSĐT-PC44 ngày 18/7/2017 của Cơ quan CSĐT công an tỉnh Bình Định được tiếp tục giao cho ông Phan Lâm H-Giám đốc công ty TNHH TB bảo quản cho đến khi có quyết định của Tòa dân sự TAND tỉnh Bình Định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo đối với bản án.

Ngày 14/8/2019, bị cáo Phan Lâm H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và kêu oan, bị cáo cho rằng bị cáo hoàn toàn không có tội như cáo buộc của Viện kiểm sát và Tòa án sơ thẩm; ngày 11/11/2019 bị cáo có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định lại văn bản “ Giấy nhận nợ vay” ngày 2/4/2010 giữa Công ty TNHH TB với bà Phạm Thị Thu Th.

Ngày 07/8/2018 bị cáo Phạm Thị B kháng cáo toàn bộ bản án và cho rằng bị cáo bị oan, ngày 15/8/2019 bị cáo Bình tiếp tục có đơn xin kêu oan đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét minh oan cho Công ty TB.

Ngày 07/8/2019 bị cáo Phạm Thị Thu Th kháng cáo cho rằng bị cáo bị oan, ngày 15/8/2019 bị cáo tiếp tục có đơn kêu oan đề nghị Tòa án phúc thẩm giải oan và đình chỉ vụ án.

Ngày 16/9/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định có phiếu chuyển đơn số 529/PC-VKS-P12 chuyển đơn tố cáo của ông Phan Lâm H do Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển, có nội dung: Tố cáo hành vi gian dối trong việc chứng thực bản sao từ bản chính của Công chứng viên Phạm Thị TB và Văn phòng Công chứng TB, gây bất lợi cho các bị can trong vụ án “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và Công ty TNHH TB.

Ngày 21/10/2019 Công ty TNHH TB có đơn khiếu nại đối với bản án sơ thẩm, với nội dung: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Định, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định chưa từng xác định Công ty TNHH TB là người tham gia tố tụng trong vụ án, nhưng quyết định bản án sơ thẩm lại buộc Công ty phải bồi thường thiệt hại 3.138.133.000, đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm: 94.762.660, đồng là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, gây bất lợi cho công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Các bị cáo Phan Lâm H, Phạm Thị B và Phạm Thị Thị Thu Th đều trình bày việc Công ty vay số tiền 10 tỷ đồng của Phạm Thị Thu Th là có thật không gian dối, số tiền vay có trong báo cáo tài chính và báo cáo thuế năm 2010; Công ty đã dùng số tiền vay của bà Th đầu tư xây dựng giai đoạn 2 Nhà xưởng sản xuất giấy và nguyên liệu giấy với số tiền đầu tư hơn 17 tỷ đồng, số tài sản này không liên quan đến số tiền vay của Ngân hàng N2 và hiện nay vẫn còn tồn tại tại Công ty; Tòa án sơ thẩm cho rằng số tiền vay 10 tỷ của bị cáo Th không có thật là không đúng. Về số tiền nợ vay của Ngân hàng N2 Chi nhánh Q bị cáo Phan Lâm H và Phạm Thị B cho rằng không còn nợ khoản tiền nào của Ngân hàng, và cũng không có tài sản thế chấp nào mà Công ty đã thế chấp cho Ngân hàng; số tiền nợ vay ngân hàng gốc và lãi hai bên còn tranh chấp đang giải quyết tại Tòa án dân sự tỉnh Bình Định, số tài sản thế chấp ở các hợp đồng tín dụng vào năm 2008, năm 2009 Công ty đã trả nợ gốc và lãi đã tất toán xong nên việc thế chấp không có giá trị; giữa Công ty và Ngân hàng chưa chốt nợ, việc ngân hàng đưa ra số nợ tiền vay gốc và lãi là không đúng; Ngân hàng đã gian dối tự ý sửa chữa các hợp đồng thế chấp; bản án sơ thẩm buộc Công ty trả nợ cho Ngân hàng là không đúng. Các bị cáo cho rằng không có tội Tòa án sơ thẩm kết tội oan cho các bị cáo đề nghị Tòa phúc thẩm minh oan cho các bị cáo, tuyên bố các bị cáo không có tội và đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Ngân hàng N2 Chi nhánh Q tỉnh Bình Định trình bày: Theo số liệu kế toán Công ty vay Ngân hàng tổng cộng 68 hợp đồng với số tiền hơn 90 tỷ đồng, Công ty

đã trả được hơn 72 tỷ đồng còn nợ lại hơn 13 tỷ đồng nợ gốc và hơn 15 tỷ nợ lãi của 10 hợp đồng ngắn hạn và 2 hợp đồng trung hạn; khi vay có thể chấp tài sản được BQL khu kinh tế Bình Định xác nhận, các giấy tờ tài sản thế chấp Ngân hàng giữ và hiện nay đang giữ bản chính; đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Cục thi hành án dân sự trình bày: Việc thi hành các quyết định đã có hiệu lực của Tòa án đối với người được thi hành án bà Phạm Thị Thu Th, trước khi thi hành án theo Biên bản làm việc của Cục thi hành án tỉnh thì bà Th có yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh tài sản thế chấp của Công ty TB để thi hành án, khi xác minh không ghi rõ các tài sản thế chấp của Ngân hàng là thiếu sót; còn việc giao tài sản cho người được thi hành án là theo sự thỏa thuận các đương sự.

* Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm như sau: Kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ đúng pháp luật được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Các bị cáo kháng cáo đều kêu oan không phạm tội. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 BLTTHS bác kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với Thẩm phán Nguyễn Văn Tài, và Các cán bộ Cục Thi hành án có liên quan việc thi hành án cho Phạm Thị Thu Th, các cán bộ Ngân hàng N2 có dấu hiệu của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” kiến nghị cơ quan điều tra có thẩm quyền xem xét trách nhiệm hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Lâm H trình bày: Tòa án sơ thẩm xác định bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng giá trị 3.158.000 đồng; nhưng không có thiệt hại nào xảy ra nên không có việc bồi thường thiệt hại, Ngân hàng không bị chiếm đoạt bất cứ tài sản nào, các tài sản thế chấp ngân hàng vẫn giữ bản chính, tài sản là BĐS phải đăng ký quyền sở hữu. Án sơ thẩm buộc Công ty TB bồi thường thiệt hại nhưng quá trình tố tụng không đưa Công ty vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Số tiền vay nợ, thế chấp chưa được giải quyết; nhưng tài sản thế chấp không còn thế chấp cho Ngân hàng, Công ty không nợ ngân hàng; cơ quan điều tra đã liệt kê số tài sản xây dựng từ tiền vay của bà Th tài sản trị giá hơn 17 tỷ đồng. Các bị cáo bị oan, đề nghị HĐXX tuyên các bị cáo vô tội, đình chỉ xét xử.

Bị cáo Phan Lâm H trình bày: Công ty không còn nợ ngân hàng, Công ty không có tài sản nào thế chấp cho ngân hàng, ngân hàng đã tẩy xóa, sửa chữa các hợp đồng thế chấp; việc vay nợ Công ty vay của bà Phạm Thị Thu Th 10 tỷ là có thật, có trong báo cáo tài chính năm 2010 và báo cáo thuế năm 2010; Tòa án cho rằng các bị cáo gian dối việc vay không có thật là không đúng; việc vay nợ được lập bởi hợp đồng vay, phiếu

thu... tất cả các tài liệu giám định điều là thật chỉ phiếu thu số 16 ngày 2/4/2010 là không đúng phiếu thu này được lập lại vào năm 2012 nên mới đóng dấu mới; bị cáo bị oan đề nghị tuyên bị cáo không có tội.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị B trình bày: Công ty vay tiền bà Th thể hiện báo cáo tài chính công ty số tiền 13 tỷ; giữa ngân hàng và công ty chưa xác định được số nợ và tài sản thế chấp. Tài sản được hình thành từ số tiền 10 tỷ đồng của bà Th là có thật, cơ quan điều tra chưa xác minh đã kết luận không còn, Tòa án sơ thẩm chưa thu thập 68 hợp đồng tín dụng đối chiếu công nợ vay, chưa giám định buộc công ty trả 3,1 tỷ trong khi công ty không tham gia tố tụng; chưa đối chất các bị cáo và thi hành án, chưa đối chất bị cáo, Ngân hàng, công chứng không đúng; kiến nghị cơ quan điều tra xem xét hành vi của cán bộ thi hành án và ngân hàng, bị cáo Bình không có hành vi gian dối không có đồng phạm; đề nghị tuyên bị cáo không có tội, hoặc hủy án sơ thẩm điều tra lại.

Bị cáo Phạm Thị B: Thống nhất lời bào chữa và bổ sung: Công ty vay của Phạm Thị Thu Th 10 tỷ đồng là có thật, mục đích để mở rộng nhà máy sản xuất giấy và số tiền này đã đầu tư xây dựng nhà máy giai đoạn 2 với tổng chi phí hơn 17 tỷ đồng, hiện nay các tài sản này vẫn đang còn tồn tại. Công ty không còn nợ ngân hàng vì chưa thống nhất số nợ, công ty cũng không còn tài sản thế chấp cho ngân hàng. Về việc tôi Phạm Thị B ủy quyền cho ông Phan Lâm H trong việc thi hành án đối với bà Th và bà M2, Tôi ủy quyền cho ông H là ủy quyền làm đúng theo quy định của pháp luật; việc ông H làm sai Tôi không chịu trách nhiệm. Tôi bị oan đề nghị Tòa án tuyên tôi vô tội và đình chỉ vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo Th trình bày: Việc vay mượn nợ giữa Công ty và bị cáo Th là có thật, đề nghị giám định lại Giấy nhận nợ vay ngày 2/4/2010; tài sản hình thành từ nguồn vốn vay của bị cáo Th hiện còn và tồn tại trên thực tế. Bà Th nhận tài sản từ cơ quan Thi hành án; không đủ căn cứ quy kết bà Th là đồng phạm. Đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội, đình chỉ vụ án.

Bị cáo Th: Việc vay mượn là có thật, Tôi vừa bị mất tiền vừa bị tù giam oan cho tôi, đề nghị tuyên tôi không phạm tội, trả tự do cho tôi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng: Tại Biên bản hòa giải đối chiếu ông H đã đồng ý trả nợ; ngân hàng không biết việc nợ giữa bà Th và Công ty, Thi hành án đã giao cho bà Th nhận; đối với các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tất toán xong Ngân hàng phải lưu nên không cung cấp được, chỉ tranh chấp 10 hợp đồng tín dụng ngắn hạn và 2 hợp đồng trung hạn; biên bản làm việc ngày 26/8/2013 ông H thừa nhận số nợ tiền gốc và lãi; có sự cấu kết giữa bà Th với Công ty. Về tài sản thế chấp bảo đảm có hiệu lực pháp luật được BQL khu kinh tế Bình Định ký xác nhận;

Công ty không cam kết khi không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngân hàng; số đảm gỗ không bán được Công ty đổ lỗi cho ngân hàng không đúng; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm bác kháng cáo của các bị cáo.

Đại diện Ngân hàng: Thông nhất với trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty TNHH TB (ghi tắt Công ty) có 2 thành viên góp vốn là Phan Lâm H và Phạm Thị B. Trong quá trình hoạt động kinh doanh sản xuất từ 12/2007 đến năm 2013, Công ty đã vay vốn của Ngân hàng TMCP N2 Việt Nam - Chi nhánh Q (ghi tắt Ngân hàng) và có thể chấp các tài sản là bất động sản của Công ty. Tòa án sơ thẩm đã nhận định bị cáo Phan Lâm H (GD) đại diện cho Công ty, bị cáo Phạm Thị B (PGĐ) và bị cáo Phạm Thị Thu Th đã có hành vi gian dối bằng thủ đoạn làm giả Hợp đồng vay mượn tiền với số tiền 10 tỷ đồng, sau đó thông qua thỏa thuận thi hành án chiếm đoạt tài sản của Công ty đã thế chấp cho Ngân hàng số tiền 3.138.133.000, đồng; do đó đã xử phạt các bị cáo Phan Lâm H, Phạm Thị B, Phạm Thị Thu Th đều về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phan Lâm H, Phạm Thị B, Phạm Thị Thu Th thấy:

[2.1] Về số tiền vay nợ tín dụng và các tài sản thế chấp giữa Công ty và Ngân hàng N2 Chi nhánh Q: Theo trình bày của đại diện Ngân hàng (BL3148) và tại phiên tòa thì từ 12/2007 đến khi tranh chấp Công ty vay của Ngân hàng 68 Hợp đồng tín dụng với số tiền vay là: 90.738.000.000, đồng; trong đó 2 Hợp đồng trung hạn và 66 hợp đồng ngắn hạn; tính đến ngày 09/1/2017 Công ty đã tất toán xong nợ gốc, nợ lãi của 56 Hợp đồng ngắn hạn với tổng số tiền là: 72.990.000.000, đồng; còn nợ 12 hợp đồng trong đó 2 hợp đồng trung hạn và 10 hợp đồng ngắn hạn, với tổng số tiền nợ gốc: 13.855.485.959, đồng và nợ lãi là: 15.166.348.859, đồng. Để đảm bảo cho các khoản vay Công ty và Ngân hàng đã ký hợp đồng thế chấp tài sản, gồm: Nhà làm việc; tường rào công ngõ, nhà thường trực, sân bê tông; nhà xưởng chính; 1 tủ tụ bù trọn bộ 280KVA; 1 tủ điện phân phối; 1 băng chuyền nguyên liệu; máy sản xuất Dăm gỗ và phụ kiện kèm theo; 1 băng tải; 50 cái container; xe cải tiến bánh hơi; hệ thống cân ô tô điện tử 60 tấn; toàn bộ diện tích rừng trồng bạch đàn tại Lô 2 và Lô 3 diện tích 45.000, m² tại xã M3, Phù Mỹ.

Đại diện Công ty là ông Phan Lâm H (GD) và Phạm Thị B (PGĐ) các bị cáo tại phiên tòa cho rằng Công ty không còn nợ tiền vay của Ngân hàng và không còn tài sản

nào thế chấp cho ngân hàng. Theo Biên bản đối chất ngày 23/9/2014 tại Tòa án tỉnh Bình Định (BL 152,153,154,155) thì đại diện pháp luật Công ty không thống nhất về số nợ gốc vì chưa kiểm tra đối chiếu các hợp đồng tín dụng giữa Công ty và Ngân hàng, về nợ lãi không đồng ý vì có sự rủi ro trong kinh doanh. Biên bản đối chất ngày 13/6/2019 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Định đại diện công ty ông Phan Lâm H cũng không thừa nhận về số nợ và các hợp đồng thế chấp với ngân hàng (BL 3152, 3153, 3154, 3155,3156).

Như vậy, quá trình vay và trả nợ gốc và lãi giữa Công ty và Ngân hàng với nhiều hợp đồng và thời gian dài; việc xác định số nợ gốc và nợ lãi của từng hợp đồng chưa được các bên thống nhất; do đó chưa xác định được chính xác số tiền nợ gốc cũng như lãi của Công ty đối với Ngân hàng; về các tài sản thế chấp giữa Công ty và Ngân hàng cũng chưa được các bên thống nhất. Tòa án sơ thẩm đã có quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung, tuy nhiên việc điều tra chưa làm rõ nên Tòa án sơ thẩm đã tách phần giải quyết dân sự để Tòa dân sự giải quyết.

[2.2] Về khoản tiền nợ 10(mười) tỷ giữa bị cáo Phạm Thị Thu Th và Công Ty:

Tòa án sơ thẩm căn cứ vào kết quả giám định: Khuôn dấu đóng trên giấy nhận nợ vay ngày 2/10/2010 và ngày 18/11/2011 không phải do cùng một con dấu của Công ty; chữ ký và chữ viết trên phiếu thu mang tên Phạm Nhật C, Nguyễn Thị Ngọc N1 trên phiếu thu số 16 ngày 02/4/2010 và số 28 ngày 18/11/2011 đều không phải do Phạm Nhật C và Nguyễn Thị Ngọc N1 ký và viết ra nên đều là giả; do đó kết luận việc vay mượn tiền giữa Công ty và bà Phạm Thị Thu Th là không có thật. Nhưng ngoài giấy nhận nợ vay và phiếu thu trên, ngày 26/6/2018 bị cáo Phan Lâm H cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định 03 chứng cứ (bản gốc) gồm: Hợp đồng vay mượn tiền số 03 ngày 2/4/2010 (BL2971); Phiếu thu số: 02 cùng ngày 02/4/2010 (BL2972); Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 03/4/2010 của Công ty TNHH TB (BL2973) có nội dung Công ty vay của Phạm Thị Thu Th số tiền 10 tỷ đồng. Ngày 20/7/2018, Phân Viện KHHS tại Đà Nẵng kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “Công ty TNHH TB Bình Định” là do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị B dưới các mục “Người lập phiếu” và “Thủ quỹ” thì do một người ký và viết ra. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Phan Lâm H có trước hay có sau so với hình dấu tròn có nội dung Công ty TNHH TB Bình Định; không xác định được thời gian in, ký và đóng dấu đối với nội dung in, chữ ký và hình dấu trên mẫu giám định (BL2967,2968).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo Phan Lâm H, Phạm Thị B, Phạm Thị Thu Th đều có lời khai thống nhất số tiền vay nợ 10 tỷ đồng và hình thức vay giữa Công ty và bị cáo Phạm Thị Thu Th (và 3tỷ đồng giữa Công ty với bà Phạm Thị M2) là có thật và đều có trong báo cáo tài chính, báo cáo thuế năm 2010,

số tiền hơn 13 tỷ đồng, việc giấy nhận nợ vay ngày 02/4/2010 (đã giám định là giả) được đóng dấu mới đã đổi năm 2012 được làm lại năm 2012 cấp cho bị cáo Th. Tại Báo cáo tài chính của Công ty năm 2010 (BL394), Bảng cân đối phát sinh năm 2010 (BL394) mục 3.11 vay ngắn hạn và Báo cáo thuyết minh tài chính năm 2010 (BL404) có ghi số đầu kỳ 13,980 tỷ, số cuối kỳ 16,8 tỷ; Giấy chứng nhận đầu tư dự án Mở rộng Nhà máy chế biến nguyên liệu giấy xuất khẩu ngày 17/1/2011(BL370) có tổng vốn đầu tư: 24, 912 tỷ nhưng chưa được xác minh nguồn tiền vay này từ đâu, theo lời khai nhận của các bị cáo thì nguồn tiền vay từ bị cáo Th và bà M2. Mặt khác, Số tiền vay của bị cáo Th có ghi chép trong cuốn sổ cái vay ngoài XDCB do bị cáo Bình (PGĐ) trực tiếp ghi cập nhật thu chi theo ngày tháng từng năm từ năm 2009 đến năm 2013, tại cuốn sổ cái năm 2010; mặc dù những cuốn sổ cái này là bản photocopy (do bị cáo Phan Lâm H cung cấp cho Cơ quan điều tra theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 8/11/2016 tại Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Định) nhưng nội dung trong các cuốn sổ này ghi rõ các khoản thu chi vay nợ ngoài có các khoản chi bằng Ủy nhiệm chi qua hệ thống Ngân hàng BIDV cũng cần được xác minh về tính xác thực tài liệu này. Các bị cáo H và Bình đều cho rằng số tiền vay mượn của bị cáo Th và Phạm Thị M2 được Công ty dùng để xây dựng cơ bản giai đoạn 2 nhà máy giấy nguyên liệu, các tài sản này hiện nay vẫn tồn tại tại Công ty trị giá hơn 17 tỷ đồng và không liên quan đến số tiền vay của Ngân hàng nhưng chưa được điều tra làm rõ.

Do đó, để có cơ sở xác định việc vay nợ giữa bị cáo Th và Công ty có thật hay không, là căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo gian dối để chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng cần trung cầu giám định kế toán và tài chính Công ty trong năm 2010 và các tài sản là nhà máy nguyên liệu giấy xây dựng từ năm 2010 và tài sản hiện có của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 6 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 13/12/2017 có hiệu lực thi hành ngày 01/2/2018; cần làm rõ ngoài số tiền vay của Ngân hàng, Công ty vay của bị cáo Th 10 tỷ đồng sử dụng vào mục đích gì? Đầu tư vào tài sản gì và ở đâu? Để xác định có hay không việc vay nợ là thật hay giả. Ngoài ra, cũng cần giám định lại văn bản “Giấy nhận nợ vay” ghi ngày 2/4/2010 giữa Công ty và bà Phạm Thị Thu Th.

[2.3] Về việc giao tài sản của Công ty có thể chấp Ngân hàng cho bị cáo Phạm Thị Thu Th để cầm trừ nghĩa vụ thi hành án.

Tại Biên bản giải quyết yêu cầu Thi hành án ngày 22/10/2014 của Cục Thi hành án lập (BL286) tại trụ sở Cục Thi hành án, bị cáo Phạm Thị Thu Th trình bày: “Tại Quyết định số 169/2014/QĐST-DS ngày 12/9/2014 của TAND thành phố Q, Bình Định thì Công ty phải trả cho tôi số tiền 15.471.000.000, đồng và tiền lãi chậm thi hành án....Hiện nay Tôi không xác định được tài sản trên đất cụ thể gồm những hạng mục nào, hiện trạng ra sao. Quyền sử dụng đất, tài sản có thể chấp cho tổ chức, cá nhân nào khác

không.... Do vậy, để có cơ sở xử lý các tài sản thế chấp cũng như tài sản không thế chấp của Công ty để thi hành án, bản thân tôi không thể tự tiến hành xác minh để cung cấp được, tôi đề nghị Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định tiến hành xác minh làm rõ tình trạng tài sản thế chấp tại khu công nghiệp Phú Tài và 100 ha rừng trồng tại xã Hoài Mỹ, Hoài Nhơn. Các chi phí xác minh tôi xin chịu theo quy định của pháp luật ”. Tại Biên bản xác minh điều kiện Thi hành án do Cục Thi hành án tỉnh Bình Định lập ngày 15/11/2014 tại trụ sở Công ty Lô B6+B7 KCN Phú Tài (BL288) ghi nhận mô tả các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại Lô B6+B7 KCN Phú Tài nhưng không ghi rõ cụ thể tài sản nào là tài sản của Công ty đã thế chấp cho Ngân hàng. Vì vậy, việc giao tài sản của Công ty có thể chấp Ngân hàng cho bị cáo Phạm Thị Thu Th để thi hành án có lỗi của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Do đó, để xác định bị cáo Phạm Thị Thu Th có hành vi giúp sức đối với bị cáo Phan Lâm H lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản Ngân hàng cần giám định, điều tra xác minh làm rõ những vấn đề như đã nhận định trên mới có cơ sở xác định.

[2.4] Về bồi thường thiệt hại do các bị cáo có hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”: Những tài sản Công ty đã thế chấp cho Ngân hàng Cục thi hành án đã giao cho bị cáo Phạm Thị Thu Th để cản trở nghĩa vụ đã được thu hồi và giao cho Công ty quản lý, giấy tờ thế chấp Ngân hàng vẫn giữ; nhưng phần quyết định bản án sơ thẩm buộc Công ty phải bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng với số tiền 3.138.133.000, đồng là không đúng và mâu thuẫn với phần nhận định của bản án là chưa có thiệt hại xảy ra. Mặt khác, bản án sơ thẩm buộc Công ty đại diện là ông Phan Lâm H phải bồi thường cho Ngân hàng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng quá trình giải quyết vụ án các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm không đưa Công ty vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu sót và vi phạm về tố tụng hình sự; do đó, đại diện theo ủy quyền của Công ty có đơn khiếu nại là có căn cứ.

[3] Do có nhiều thiếu sót như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Do hủy bản án để điều tra truy tố xét xử lại, do vậy các phần khác của bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Phan Lâm H, Phạm Thị B, Phạm Thị Thu Th.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HSST ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định để điều tra lại theo thủ tục chung.

2. Các bị cáo Phan Lâm H, Phạm Thị B, Phạm Thị Thu Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Tuấn